

Số: 4556 /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày 23 tháng 11 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn vay
Ngân hàng Thế giới để thực hiện dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý
tài sản đường địa phương (LRAMP) tại tỉnh Thanh Hóa**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 7 năm 2010 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 16/2016/NĐ-CP ngày 16/03/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài;

Căn cứ Quyết định số 330/QĐ-TTg ngày 02/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục Dự án “Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương”, vay vốn Ngân hàng Thế giới;

Căn cứ Quyết định số 622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016 của Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương;

Căn cứ Công văn số 695/CV-HĐND ngày 20/10/2016 của Thường trực HĐND tỉnh về việc phương án sử dụng và trả nợ vốn vay Ngân hàng Thế giới để thực hiện dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (dự án LRAMP) tại tỉnh Thanh Hóa;

Xét đề nghị của Sở Giao thông Vận tải tại Tờ trình số 3469/TTr-SGTVT ngày 18/8/2016 về việc phê duyệt phương án sử dụng nguồn vốn vay và trả nợ vốn vay lại của Dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP), tỉnh Thanh Hóa,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt phương án sử dụng và trả nợ vốn vay Ngân hàng Thế giới để thực hiện dự án xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) tại tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung chính như sau:

1. Giá trị khoản vay lại của Chính phủ (từ nguồn vốn vay WB): 2.000.000 USD, tương đương 45.012.000.000 đồng Việt Nam.

2. Đồng tiền cho vay lại: Đô la Mỹ (USD).
3. Thời gian vay: 15 năm, trong đó có 5 năm ân hạn (do Hiệp định được ký năm 2016).
4. Lãi suất vay cho vay lại: 2%/năm bằng USD.
5. Phương án sử dụng vốn vay:
 - Kế hoạch giải ngân thực hiện từ năm 2017 đến năm 2022;
(Chi tiết theo phụ lục số 01 kèm theo)
 - Phương án rút vốn: Vốn vay ODA sẽ được rút dần trong 6 năm, theo kế hoạch được phê duyệt hàng năm.
6. Phương án trả nợ vốn vay:
 - Về lãi suất khoản vay: Sau thời gian ân hạn (từ năm 2021 - năm 2030), Ngân sách tỉnh sẽ cân đối, bố trí trả lãi theo lịch trả nợ.
 - Về trả nợ vốn gốc: Vốn sẽ được trả dần hàng năm kể từ năm 2021 - 2030 và được chia đều để trả trong vòng 10 năm, mỗi năm trả 02 (hai) lần.
 - Nguồn trả nợ: Ngân sách tỉnh.
(Chi tiết theo Phụ lục số 02 kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

1. Sở Giao thông Vận tải (chủ đầu tư) có trách nhiệm thực hiện các thủ tục giải ngân theo đúng quy định của Chính phủ Việt Nam và Ngân hàng Thế giới, đồng thời quản lý sử dụng nguồn vốn đúng mục đích, tiến độ, đảm bảo hiệu quả đầu tư theo quy định hiện hành.

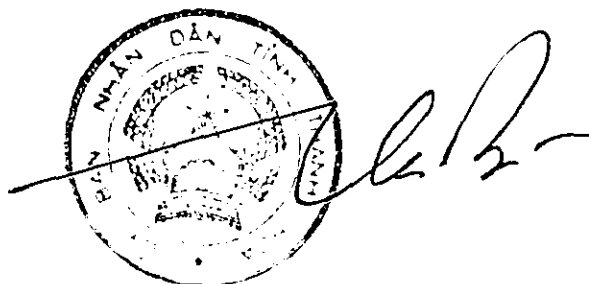
2. Các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính và các ngành, đơn vị liên quan, theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn, có trách nhiệm phối hợp, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và tạo điều kiện để Sở Giao thông Vận tải thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông Vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa; Thủ trưởng các ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng

PHỤ LỤC SỐ 01 - KẾ HOẠCH GIẢI NGÂN PHẦN VỐN VAY LẠI - DỰ ÁN LRAMP
(Kèm theo Quyết định số 4556/QĐ-UBND ngày 23/11/2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Hợp phần	Tổng số vốn vay (USD)	Kế hoạch giải ngân dự kiến					
			Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Khôi phục cải tạo đường địa phương	2.000.000	129.800	533.600	545.600	390.200	221.000	179.800

PHỤ LỤC SỐ 02 - KẾ HOẠCH TRẢ NỢ VỐN VAY - DỰ ÁN LRAMP

(Kèm theo Quyết định số: 4556/QĐ-UBND ngày 23 /11/2016
của UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị tính: USD

Năm	Giải ngân phần vốn vay lại theo năm	Dư nợ gốc	Trả nợ gốc	Lãi phát sinh	Ngân sách tính phải trả theo kỳ	Ghi chú
2017	129.800	129.800				Thời gian ân hạn
2018	533.600	663.400				
2019	545.600	1.209.000				
2020	390.200	1.599.200				
2021 - kỳ 1	221.000	2.000.000	100.000	20.000	120.000	Thời gian trả nợ
2021 - kỳ 2		1.900.000	100.000	19.000	119.000	
2022 - kỳ 1	179.800	1.800.000	100.000	18.000	118.000	
2022 - kỳ 2		1.700.000	100.000	17.000	117.000	
2023 - kỳ 1		1.600.000	100.000	16.000	116.000	
2023 - kỳ 2		1.500.000	100.000	15.000	115.000	
2024 - kỳ 1		1.400.000	100.000	14.000	114.000	
2024 - kỳ 2		1.300.000	100.000	13.000	113.000	
2025 - kỳ 1		1.200.000	100.000	12.000	112.000	
2025 - kỳ 2		1.100.000	100.000	11.000	111.000	
2026 - kỳ 1		1.000.000	100.000	10.000	110.000	
2026 - kỳ 2		900.000	100.000	9.000	109.000	
2027 - kỳ 1		800.000	100.000	8.000	108.000	
2027 - kỳ 2		700.000	100.000	7.000	107.000	
2028 - kỳ 1		600.000	100.000	6.000	106.000	
2028 - kỳ 2		500.000	100.000	5.000	105.000	
2029 - kỳ 1		400.000	100.000	4.000	104.000	
2029 - kỳ 2		300.000	100.000	3.000	103.000	
2030 - kỳ 1		200.000	100.000	2.000	102.000	
2030 - kỳ 2		100.000	100.000	1.000	101.000	
Tổng cộng			2.000.000	210.000	2.210.000	